

# MỐI QUAN HỆ GIỮA THẦN THOẠI CÁC DÂN TỘC THÁI - KDAI VỚI THẦN THOẠI NGƯỜI VIỆT

NGUYỄN THỊ MAI QUYÊN (\*)

*Tóm tắt: Thần thoại là nghệ thuật nguyên thủy chứa đựng tư duy tổng hợp của các tộc người trên thế giới, nó cũng là nguồn cảm hứng, là điểm xuất phát cho nhiều nghiên cứu văn hóa, văn học. Việt Nam là quốc gia đa dân tộc, lại là nơi cư trú của nhiều tộc người bản địa, vì thế cũng là kho thần thoại vô cùng phong phú. Bài viết đi vào tìm hiểu mối quan hệ giữa thần thoại của các dân tộc thuộc ngữ hệ Thái - Kdai với thần thoại người Việt, qua đó hình dung những mối liên hệ văn hóa giữa các tộc người, chất keo gắn kết góp phần hình thành nên một cộng đồng đa dân tộc, đa màu sắc như ngày nay chúng ta đang thấy.*

*Từ khóa: Thần thoại; ngữ hệ Thái - Kdai; thần thoại người Việt.*

*Abstract: Mythology is an ancient art embracing knowledge of ethnic groups and an inspiration for research on culture and literature. Vietnam is a multi-ethnic nation with a rich collection of ethnic mythology. This article examined the relationship between mythology of ethnic Kinh and mythology of ethnic groups under the Thai-Kdai linguistic category. Cultural connection between ethnic groups were discussed to explain the multi-ethnic community as it is today.*

*Keywords: Mythology; Thai-Kdai linguistic category; ethnic Kinh.*

*Ngày nhận bài: 15/11/2018; Ngày sửa bài: 01/12/2018; Ngày duyệt đăng bài: 24/4/2019.*

## Mở đầu

Mỗi tộc người Thái - Kdai sinh sống trên đất nước Việt Nam trong thời điểm hiện tại đều có một lịch sử thiên di, tụ cư và lan tỏa khác nhau. Có những tộc người đến Việt Nam từ rất sớm như người Tày, người Thái, cũng có những tộc người mới đến chỉ vài trăm năm như người Bố Y, người Lô Lô... Bởi vậy, mối quan hệ tộc người giữa người Việt (Kinh) và mỗi tộc người Thái - Kdai là không giống nhau. Việc nghiên cứu mối quan hệ giữa thần thoại của người Việt và các tộc người Thái - Kdai trong bài viết này vì thế sẽ được xem xét từ hai góc độ. Thứ nhất, mối quan hệ giữa thần thoại người Việt với thần thoại các tộc người đến sớm như người Tày, người Thái sẽ được đặt trong "bầu khí quyển" của

những quan hệ tộc người đã được hình thành một qua một lịch sử lâu dài. Thứ hai, mối quan hệ giữa thần thoại của nhiều tộc người trong nhóm Thái - Kdai (chứ không chỉ riêng người Tày và người Thái) và thần thoại người Việt xét trong một bối cảnh rộng lớn hơn, đó là cơ tầng văn hóa Đông Nam Á - một Đông Nam Á cổ đại với phạm vi có nhiều khác biệt với Đông Nam Á như đang được biết ngày nay.

## 1. Đôi nét về thần thoại của người Việt và các tộc người nhóm Thái - Kdai

Căn cứ trên nhiều tư liệu ngôn ngữ học, bản đồ học, nhân chủng học, có thể thấy "Cư dân nói các ngôn ngữ Thái - Kdai

(\*) TS. Viện Văn học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

hiện nay cư trú chủ yếu trên phần đất liền của Đông Nam Á và phía Nam Trung Quốc. Trong đó, nơi cư dân tập trung điển hình nhất là phần trung tâm phía Nam Trung Quốc và biên giới Trung Việt, tương ứng với địa bàn cư trú của các nhóm Kam - Sui, nhóm Thái Bắc và nhóm Thái Trung tâm<sup>(1)</sup>. Ở Việt Nam, cộng đồng Thái - Kadai được phân thành hai nhóm là nhóm Tày - Thái (gồm 8 dân tộc: Tày, Thái, Nùng, Sán Chay (Cao Lan - Sán Chỉ), Giáy, Lào, Lự, Bô Y) và nhóm Kadai (4 dân tộc: La Chí, La Ha, Cơ Lao, Pu Péo) phân bố chủ yếu ở khu vực miền núi phía Bắc. Từ lâu nhiều nghiên cứu đã chỉ ra mối quan hệ về ngôn ngữ, văn hóa giữa các tộc người này với người Việt, nghiên cứu này một lần nữa đặt ra mục tiêu tìm kiếm mối dây liên hệ giữa thần thoại người Việt và các tộc người trong cộng đồng Thái - Kadai xuất phát từ góc độ thần thoại, hình thức nghệ thuật nguyên hợp đầu tiên của mọi tộc người.

Khi viết *Từ điển thần thoại*, E.M. Meletinski cho rằng: "Từ thần thoại có nguồn gốc từ tiếng Hy Lạp, nghĩa đen là truyền thuyết, truyện thoại. Thường người ta hiểu nó là truyện về các vị thần, các nhân vật được sùng bái hoặc có quan hệ nguồn gốc với các vị thần, về các thế hệ xuất hiện trong thời gian ban đầu, tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc tạo lập nên những nhân tố của nó - thiên nhiên và văn hóa. Hệ thần thoại (mifalogia) là tổng thể những câu chuyện như thế về các vị thần và các nhân vật đồng thời là hệ thống những quan niệm hoang đường về thế giới"<sup>(2)</sup>. Ở đây, thần thoại được xem xét dưới góc độ là một thể loại văn học, là thể loại tự sự ra đời đầu

tiên của loài người phản ánh thế giới và xã hội thông qua yếu tố "thần"; đồng thời, có sự đan kết những yếu tố phối thai của tôn giáo, triết học, khoa học và nghệ thuật.

## 2. Vũ trụ luận trong thần thoại người Việt và các tộc người Thái - Kadai

Việc Từ Chi cho rằng, "trong văn học truyền miệng của người Mường, kể cả văn học tôn giáo, không có tác phẩm nào miêu tả vũ trụ"<sup>(3)</sup>, thực ra đúng cho tình hình của tất cả các tộc người đang được đề cập trong nghiên cứu. Việc khái quát mô hình vũ trụ chẳng qua là việc làm nhằm cố gắng xâu chuỗi lại những hình dung của con người thời cổ về cuộc sống xung quanh họ. Theo đó, thần thoại của người Việt và các tộc người thiểu số cung cấp cơ sở cho sự hình dung về một vũ trụ mà ở đó quan hệ giữa con người với thiên nhiên biểu hiện rõ rệt ở hai tầng, tầng cao - cõi trời và tầng thấp - cõi đất. Quan niệm về một tầng thứ ba nằm ở vị trí thấp nhất trong sự hình dung theo trục dọc.

Quan sát từ mặt đất, con người thời cổ hình dung tầng cao nhất của vũ trụ là phía trên vòm trời, nơi mà người Thái gọi là "Tung Hoàng nọ phạ" (mường Tung mường Hoàng ở ngoài vòm trời). Người Thái cũng kể rằng thế giới bên trên ấy "có một con sông lớn nằm vắt ngang bầu trời (...) Con sông này đưa nước chảy vào đồng ruộng, nương rẫy của Then. Khi nước nhiều, Then cho tháo nước xuống trần gian sinh ra mưa. Còn thần thoại Tày lại

<sup>(1)</sup> Nhiều tác giả (2017), *Phát huy vai trò, bản sắc của cộng đồng các dân tộc Thái - Kadai trong hội nhập và phát triển bền vững*, Nxb. Thế giới, tr. 47.

<sup>(2)</sup> Mélétxki (chủ biên), Bùi Mạnh Nhị (dịch) (1991), *Từ điển thần thoại*, Nxb. Bách khoa Xô Viết, tr. 653.

<sup>(3)</sup> Từ Chi (2003), *Góp phần nghiên cứu văn hóa & tộc người*, Nxb. Văn hóa dân tộc, tr. 17.

hình dung: “Trời tròn lùm lùm như cái vung chảo úp xuống đầu loài người. Mặt đất nơi có ruộng đồng bằng phẳng, nơi có núi tiếp núi lô xô... Mặt đất di không cùng, không tận. Nhưng cứ đi mãi, đi mãi chắc cũng đến cùng trời, cùng đất. Cái nơi mà trời và đất, đất và trời tiếp nhau là “tìn vạ” (chân trời) (Đi tìm chân trời)”<sup>(4)</sup>. Người Việt dường như có sự hình dung tỳ mỷ hơn về cõi này “Ngày xưa trước tất cả mọi sự đã có ông Trời (...). Giang sơn của Trời là từ mặt đất lên đến trên cao có chín tầng trời, và chỗ giáp với đất ấy là chân trời (...). Cõi trời chia ra chín tầng, có người nói mười ba tầng, các vị thần trời tùy theo chức tước quan hệ ít nhiều mà ở theo thứ tự mỗi tầng. Ngọc Hoàng là thần tối cao, ở tầng thứ nhất”. Người Cao Lan thì kể “Trời là chồng, Đất là vợ. Thuở còn trẻ hai ông bà thương yêu, quyến luyến nhau như hình với bóng. Ông Trời gần bà Đất đến mức người trần chỉ cần nổi hai cây sào là có thể chọc tới bụng. Vào những ngày đông giá lạnh người ta với tay cũng đụng bụng Trời”<sup>(5)</sup>... Khảo sát tư liệu thần thoại của các tộc người hiện có, chúng tôi nhận thấy hầu như tộc người nào cũng có quan niệm về thế giới trên cao, nơi họ quan sát được ít nhất là giới hạn của nó - “tám màn xanh mênh mông” - bầu trời. Và nếu chỗ con người đặt chân lên là mặt đất thì tám màn ấy là nơi “đặt chân”, khởi đầu của thế giới bên trên.

Những dẫn chứng thần thoại cho thấy trong hình dung của nhiều tộc người, cõi trời tồn tại thực. Cư dân của cõi này, dù là thần thoại Việt hay thần thoại Tày, Thái, Pu péo... đều khẳng định thuộc về sự trị vì của một đấng tối cao. Vị này hoặc lấy đất đá nặn ra muôn vật như Pụt Luông của

người Tày hoặc cử con cháu xuống trần gian mang theo “330 giống Thái, 330 giống Xá” cùng hàng trăm giống lúa nà, lúa nương như Then của người Lào, người Thái. Để sinh tồn, các cộng đồng người suy tôn một cá nhân làm đại diện, và nếu cộng đồng dưới mặt đất suy tôn cá nhân đại diện, có thể là một vị thần “đầu thai” xuống trần cai trị thiên hạ, thường là “con trời” thì mô hình tương ứng cũng được hình dung với cộng đồng “trên cao”. Chỉ khác là trong mọi thần thoại, vị “thủ lĩnh trên cao” này đã tồn tại dường như sẵn có và không gây ra bất cứ một thắc mắc nào về nguồn gốc. Bởi lẽ những hình dung về thế giới và quyền năng của đấng sáng tạo là kết quả của sự tưởng tượng trên cơ sở hiện thực. Thế giới trên cao là sự mô hình hóa những gì con người thời cổ nhìn thấy trong cộng đồng và cuộc sống quanh mình. Không phải ngẫu nhiên mà trong hệ thống thần thoại của người Việt và nhiều tộc người, bên dưới vị thần tối cao có rất nhiều các thần khác, mỗi thần có một “chuyên môn” riêng. Với người Thái, “Dưới Then Luông có các Then giúp việc gồm 11 ông ngồi và 22 ông đứng”. Thần thoại Việt kể về thần Gió, thần Mưa, thần Sấm... Người Mường gọi những kẻ dưới của Vua Trời là ông Thu Tha, bà Thu Thiên, bà Si bà Sành, bà Sanh Mành, Sanh Mé... Sự vận hành của những “cỗ máy” này là căn nguyên dẫn tới sự hình thành và vận động của một tầng thứ hai trong vũ trụ ba tầng - tầng của con người - tầng giũa.

<sup>(4)</sup> Vũ Anh Tuấn (2000), *Truyện cổ Bắc Cạn*, Sở Văn hóa thông tin thể thao Bắc Cạn.

<sup>(5)</sup> Lâm Quý, Phương Bằng (sưu tầm, biên soạn) (1983), *Truyện cổ Cao Lan*, Nxb. Văn hóa, H. tr. 89-99.

Kể về tầng vũ trụ này, thần thoại các tộc người có thể phân làm hai nhóm. Nhóm thứ nhất cung cấp những chi tiết cho biết sự hiện diện của cõi đất như cái “hôm nay” họ đang chứng kiến là kết quả của hai lần kiến tạo. Lần đầu tiên, mặt đất được tạo ra nhờ công lao của một vị thần như trong thần thoại người Việt, người Tày, Thái... Nhưng sau khi mặt đất được hình thành, con người đã làm điều gì đó trái ý thần vì vậy mà xảy ra trận đại hồng thủy dẫn đến con người chết hết chỉ còn lại một đôi trai gái. Họ ăn ở với nhau để sinh ra loài người. Về sự xuất hiện lần đầu của cõi đất, Người Việt kể: *Có một vị thần to lớn xuất hiện từ cõi hỗn mang dùng đầu đội trời lên cao rồi đắp cột chống khiến trời đất phân làm hai. Khi trời đã cao vừa ý, đất đã khô cứng, thần phá cột chống trời lấy đất đá ném vung khắp nơi thành đồi núi. Chỗ thần đào lên lấy đất đá đắp cột bây giờ là biển cả (Thần Trụ trời)*; người Tày kể: *Sau khi tạo ra mặt trời, mặt trăng, ngàn vạn vì sao cùng mây mưa trên trời, Pụt Luông mới tạo nên mặt đất. Thấy mặt đất hoang vu lạnh lẽo, Pụt mới tạo cho mặt đất nhiều thứ hơn (Pụt tạo ra trời đất)*; Người H'mông lại cho biết: *Vua Trời cử bà Chày sinh ra mặt đất, ông Chày sinh ra bầu trời. Lúc mới tạo ra, mặt đất hình vuông, bốn góc phẳng phiu, lại rất rộng lớn, không gì ước lượng nổi (Tạo lập vũ trụ)*; nhóm thứ hai là những thần thoại không miêu tả kỹ về sự sáng tạo ban đầu mà bắt đầu bằng nạn hồng thủy. Chi tiết này có vẻ phổ biến hơn, không chỉ xuất hiện trong thần thoại các tộc người thiểu số miền núi phía Bắc mà như tổng kết của Đặng Nghiêm Vạn “suốt từ Bắc xuống

Nam nước ta (...) chúng tôi có trong tay số lượng văn bản lên đến 307, trong số đó có tới gần một nửa là thu thập tại chỗ<sup>(6)</sup>. Cũng cần nói lại một điều, nếu như thần thoại các tộc người kể về nạn hồng thủy khá kỹ lưỡng thì thần thoại Việt lại hầu như thiếu vắng chi tiết này, bóng dáng của nó được coi là xuất hiện chủ yếu trong truyện Sơn Tinh - Thủy Tinh và cuộc chiến giữa hai vị thần núi/ nước. Điều này phần nào nói lên tình trạng thất truyền của các cứ liệu thần thoại Việt, mặt khác cũng cho thấy những quan điểm của thuyết lan truyền không thể áp dụng trong trường hợp này. Mỗi tộc người với các cách thức vận động khác nhau của văn hóa đã tự sản sinh và lưu giữ “vốn liếng” của mình. Bàn sâu về tipe truyện, các tác giả Đặng Nghiêm Vạn, Nguyễn Tấn Đắc đã có nhiều khảo cứu công phu. Ở đây, chúng tôi chỉ quan tâm đến câu chuyện về nạn hồng thủy như một dấu chỉ về mối quan hệ giữa các tộc người, không hẳn giới hạn trong biên giới quốc gia mà chắc chắn còn xa hơn nữa.

**3. Nguồn gốc nông nghiệp và vai trò của người phụ nữ trong thần thoại người Việt và các tộc người Thái - Kdai**

Khi nghiên cứu thần thoại về cây lúa, tác giả Nguyễn Thị Huệ<sup>(7)</sup> đã thống kê, sưu tập được 31 văn bản truyện của các tộc người ở Việt Nam. Và theo thống kê của chúng tôi, trong số thần thoại của các

<sup>(6)</sup> Đặng Nghiêm Vạn (1987), “Huyền thoại về nạn hồng thủy và nguồn gốc các tộc người”, *Tạp chí Văn hóa dân gian*, số 5.

<sup>(7)</sup> Nguyễn Thị Huệ (2011), “Thần thoại về nguồn gốc cây lúa và sự phân ánh nét văn hóa nông nghiệp lúa nước các dân tộc Việt Nam”, *Tạp chí Văn hóa dân gian*, số 1.

tộc người miền núi phía Bắc, rất nhiều tộc người có loại truyện kể này.

Nội dung truyện kể về cây lúa được thống kê thành những type truyện tiêu biểu như: (1) Quá trình đi xin giống lúa giống ngô; (2) Đi tìm giống lúa; (3) Lúa và củ; (4) Vì sao con người phải gặt lúa. Theo đó type truyện kể về quá trình đi xin giống lúa giống ngô xuất hiện trong thần thoại của dân tộc Pu Péo, Mường... Truyện thường bắt đầu bằng việc xưa kia trời đất còn thông nhau, có thể qua lại dễ dàng, con người phải lên trời xin giống lúa, giống ngô. Người Pu Péo kể rằng xưa kia con người chưa có lúa ăn, họ phải ăn củ mài, củ nâu. Có hai vị thiên thần là ông Sáng Ngày (mặt trời) và bà Sáng Đêm (mặt trăng) mách cho họ lên trời xin giống lúa. Sau khi đã xin được giống lúa, con người còn được các vị thần dạy cho cách gieo trồng. Sử thi *Đẻ đất đẻ nước* của người Mường kể chuyện bà Rấp, bà Rú đi đào củ mài gặp chuột lông đỏ, chuột mách bà về nói với Lang Cùn Cùn cử nàng Dặt Cái Dành lên trời xin giống lúa. Nữ thần Tiên Tiên Mái Lúa cho đem về dưới trần 40 giống lúa nà, 30 giống lúa nương.

Có một điều khá thú vị là truyện về cây lúa không chỉ có ở Việt Nam mà xuất hiện khá nhiều trong truyện dân gian Đông Nam Á. Trong quá trình sưu tập tài liệu, chúng tôi cũng tìm được những truyện kể về cây lúa của một số quốc gia Đông Nam Á như Lào, Singapore, Indônêxia và Bruney. Chẳng hạn truyện "Nguồn gốc cây lúa" của Bruney kể về một chàng trai làm nghề đánh cá tên là Tugan. Một lần tình cờ lạc xuống một cung điện dưới nước, chàng lần đầu tiên được ăn cơm và lấy trộm được một hạt lúa. "Tugan giấu hạt thóc ở dưới

lưỡi (...) Tugan trồng hạt thóc mà chàng giấu được. Nhiều ngày sau chàng thấy cây lúa đã lớn và phát triển thành một cánh đồng lúa rộng lớn"<sup>(1)</sup>. Ban đầu, người ta gọi hạt lúa là hạt Tugan bởi công lao của chàng trai đã tìm ra nó.

Đến đây, vấn đề dường như phần nào được hé lộ. Mối quan hệ giữa thần thoại Việt với các tộc người thiểu số là quan hệ giữa những thành tố của cùng một chỉnh thể, một cơ tầng - cơ tầng văn hóa Đông Nam Á. Cho đến nay, nhìn nhận về Đông Nam Á, nhiều nhà nghiên cứu đồng tình với quan điểm của P. Gourou cho rằng nền tảng của văn minh Đông Nam Á là văn minh thực vật. Con người sống bằng thực vật, tư duy bằng thực vật, sùng bái nhiều loài thực vật. Dấu ấn của văn hóa bầu bí, văn hóa khoai củ và văn hóa lúa trong nhiều loại hình sáng tác dân gian và trong đời sống của cư dân Đông Nam Á là vô cùng rõ nét. Gần như song hành với những quan điểm trên là quan điểm về vai trò của những người phụ nữ - người hái lượm - trong giai đoạn văn minh săn bắt hái lượm, người trồng trọt trong giai đoạn văn minh nông nghiệp. Những đặc trưng này được Hoàng Bé, Nguyễn Thị Huế phân tích khá rõ trong những nghiên cứu của mình xung quanh nhóm truyện kể về cây lúa ở Việt Nam. Đây cũng được coi là một trong những đặc trưng của cơ tầng văn hóa Đông Nam Á, là cội nguồn của đặc trưng trọng nữ, trọng mẫu, đối lập với quan điểm trọng nam của khu vực kế cận.

Tuy nhiên, nói về vai trò của người phụ nữ, tác giả Nguyễn Thị Huế cho rằng, "từ

<sup>(1)</sup> Võ Quang Nhơn, Lê Trường Phát (1998), *Truyện cổ dân gian Đông Nam Á, tập 1*. Nxb. Tổng hợp Đồng Nai, tr.234

những người phụ nữ đầu tiên góp phần quan trọng vào việc cho giống lúa, giống ngô, phát hiện và tìm ra cây lúa trong gian đoạn sơ khai, được tôn vinh là nữ thần lúa, cũng như họ tiếp tục góp phần vào công việc gieo trồng và chăm sóc lúa đến những người đàn bà xua đuổi và đánh đập lúa... Ở đây, có lẽ không phải là sự hạ thấp dần về địa vị và vai trò của người phụ nữ, mà dường như chính là sự thay đổi về nhân tố con người, nhân tố lao động trong quá trình tìm ra và thuần hóa cây lúa đã tạo nên hình ảnh những người phụ nữ đó. Thực tế cho thấy càng về sau, vai trò của người đàn ông trong quá trình sản xuất ngày càng được khẳng định bởi khả năng lao động vượt trội, khả năng kỹ thuật và tổ chức sản xuất của họ<sup>(9)</sup>. Theo chúng tôi, sự cất nhắc này là có cơ sở, tuy nhiên vì sao trong nhiều truyện kể của nhiều tộc người như Thái, Kinh, Tày, Cao Lan... lại xuất hiện hình ảnh người đàn bà lẻ loi (góa, ở một mình, không có chồng, bị chồng giận dữ, bỏ đi...) như vậy? Phải chăng, điều này phản ánh quá trình tan rã của chế độ mẫu hệ để chuyển sang chế độ phụ hệ mà sự xuất hiện của các gia đình cặp đôi dẫn đến tình trạng những người đàn bà không ghép được cặp đôi như ý kiến của nhiều người?

Tìm cách lý giải về hiện tượng này, chúng tôi tìm đến những quan sát dân tộc học về lễ hội cầu mưa của người Thái trên nhiều vùng đất nước. Có thể thấy, dù các bước tiến hành nghi lễ có khác biệt ít nhiều nhưng hình ảnh đặc trưng nhất là trong ngày chính thức diễn ra nghi lễ người ta tập trung một đoàn đông tới 5 - 6 chục người, ai cũng tự sắm sửa mũ, nón và áo mưa (áo tơi lá cọ), tụ tập ở một bãi rộng

dầu bản. Dẫn đầu đoàn người này là bà Mế Mài (bà góa) làm người linh xướng. Họ đi đến từng nhà, cất lên lời hát với mong muốn *mưa dày hạt, mưa bằng quả gấm*.... Và đối với người Thái, điều quan trọng làm nên thành công của nghi lễ cầu mưa chính là vai trò của Mế Mài (bà góa). Điều này dường như trái ngược với hình ảnh những người đàn bà góa, người đàn bà ở một mình, người đàn bà không chồng, người đàn bà làm chồng tức giận bỏ đi... trong các thần thoại những người mang "tội danh" đập vỡ hạt lúa, đuổi lúa đi, khiến lúa không tự lên về nhà nữa... Vậy phải chăng sự thiếu hụt của cặp đôi dẫn đến quan niệm về sự thiếu hụt của hoạt động tính giao - một phương diện khác của tín ngưỡng phồn thực - mới là nguyên nhân trực tiếp của việc những người đàn bà cô đơn kia trở thành kẻ tội đồ, làm cho hạt lúa nhỏ bé, hiếm dần đi hoặc không dễ dàng sinh sôi như xưa nữa? Và một trong những nguyên nhân của sự thiếu hụt này phải chăng là sự tan vỡ của những bầy đàn nguyên thủy khiến cho những gia đình theo dạng quần hôn trước kia lẻ ra những người đàn bà đơn chiếc? Tất cả những phân tích nói trên chỉ là giả thuyết hòng cố gắng lý giải mâu thuẫn diễn ra trong truyện cổ. Tuy nhiên có một điều có thể khẳng định, đó là dù nhìn nhận theo cách nào thì đối với người Việt hay nhiều tộc người Thái - Kdai, hình ảnh người phụ nữ vẫn gắn liền với sự ra đời của cây lúa và sự phát sinh nông nghiệp. Điều đó cũng giải thích vì sao với nhiều tộc người, cho đến ngày nay, việc thờ cúng hồn lúa

<sup>(9)</sup> Nguyễn Thị Huệ (2011), *Sđd*.

và mẹ lúa vẫn là một trong nghi thức quan trọng được tiến hành hàng năm.

#### 4. Tín ngưỡng vật linh

Thần thoại với tính chất nguyên hợp của nó là nơi bao hàm cả nghệ thuật, tôn giáo, tín ngưỡng... Thần thoại người Việt và nhiều tộc người nhóm Thái - Kdai vì thế cùng mang đậm dấu ấn của tín ngưỡng sơ khai - tín ngưỡng vật linh. Các tộc người đều tin rằng vạn vật có linh hồn, tìn vào sự tồn tại của thần mặt trời, mặt trăng, thần sấm, thần gió, thần mưa, thần bếp, thần lúa, thần cây (cây thần)... Nói cách khác, nếu xét "gia phả họ nhà thần" trong thần thoại có thể thấy sự xuất hiện của các vị thần đại diện cho hầu hết các hiện tượng tự nhiên. Người Việt, Tày, Giáy, Sán Dìu đều kể về các thần Mặt trời, Mặt trăng. Với người Việt "Hai chị em mặt trời, mặt trăng hình như là con gái Ngọc Hoàng. Nhiệm vụ của hai cô hàng ngày phải đi xem xét dân sự một vòng, luân phiên nhau. Cô chị mặt trời được ngồi kiệu có bốn người khiêng. Trong số khiêng kiệu đó có hai bọn, một bọn già và một bọn trẻ thay đổi nhau. Bản tính của bọn trẻ hay la cà dọc đường nên khi đến lượt bọn họ khiêng kiệu, cô Mặt trời thường về chậm, ngày ở hạ giới hóa dài ra. Trái lại đến lượt các cụ già khiêng kiệu thì lo lảm tròn phận sự mà không nghĩ gì đến những điều khác nên nữ thần đi được nhanh chóng, ngày ngắn lại"<sup>(10)</sup>.

Bên cạnh mặt trời, mặt trăng, sự tích về các vị thần sấm, sét, mây mưa cũng được nhắc đến trong nhiều truyện kể. Người Việt hình dung trong số các thần nhà trời, thần Sét là một vị hung dữ, mặt mũi nanh ác, quát tháo dữ dội, mình mẩy đen thui, chỉ vận một cái khố, lưng đeo

trống, tay cầm một lưỡi búa đá. Thần Sét chuyên thi hành lệnh Trời đã xử công việc ở trần gian theo luật thiên đình. Hành động của thần biểu lộ sự thịnh nộ của Trời. Theo lệnh Trời, thần Sét xử phạt những người làm tội ác có hại đến nhân mạng mà khéo che đậy, hoặc luật pháp trần gian không xét xử tới. Thần Sét cũng đánh những ma quỷ, loài vật, cây cỏ tu luyện thành tinh rồi tìm cách hãm hại người trần... Người Cao Lan cũng có hình dung giống như người Việt khi họ kể về thần sét. Theo hình dung của họ: "Ông Trời tính nóng như lửa. Hễ ai lỡ làm phật ý người, ăn ở bạc ác liền bị người sai tướng Thiên Lôi mang lưỡi tầm sét bổ vào đầu"<sup>(11)</sup>. Những hình dung của các tộc người về thần điện của thế giới bí ẩn bên trên còn phong phú hơn nữa khi ta nhìn sang các tộc người lân cận, không thuộc nhóm Thái - Kdai. Ví như Thần Gió của người Hà Nhì tên là Ứng Nế Nẹ Khà. Thần thường hay dạo chơi vào tháng 5, tháng 6, lúc lúa đã có bông. Thần đi ào ạt, xô đẩy cây cỏ làm cho bông lúa không tụ sũa được. Người ta phải làm lễ cúng thần gió trên nương gọi là Chà Hà Lé Xó<sup>(12)</sup>. Người Khơ Mú gọi thần Sét là Chưn Draï - quân của Hrôi Ivang (thần Trời). Chưn Draï có bộ áo xanh, tay cầm chiếc rìu làm vũ khí. Chưn Draï vốn là vị thần mang điềm lành. Ông chỉ trừng phạt những ai phạm luật cổ truyền của người Khơ Mú (như tội loạn luân), trời giao cho ông làm mưa, binh lính của ông là gió. Khi có gió

<sup>(10)</sup> Doãn Quốc Sĩ (sưu tầm và dịch thuật, 1970), *Thần thoại (Việt Nam - Trung Hoa)*, Nxb. Sáng tạo, tr. 24.

<sup>(11)</sup> Lâm Quý. Phương Bằng (sưu tầm, biên soạn), *Sđđ*, tr. 91-93.

<sup>(12)</sup> Nguyễn Thị Huế, *Sđđ*, tr. 660.

thổ ù ù người ta biết là quân của Chun Draï đang chạy trên đường<sup>(13)</sup>.

Thế giới thần linh trong thần thoại nhiều dân tộc thuộc cơ tầng văn hóa Đông Nam Á cho thấy sự chi phối của các hiện tượng tự nhiên đến đời sống và cách tư duy của con người thời cổ. Nhu cầu giải thích các hiện tượng tự nhiên khiến họ thần thánh hóa và đặt niềm tin vào chúng. Không những thế, các sự vật gần gũi và tham gia vào sinh hoạt hằng ngày của con người cũng được thần thánh hóa, đặc biệt là cây cối. Người Thái ở Mường Thanh kể rằng, ở vùng hồ U Va ngày nay, xa xưa xa xưa có một *chưa khau cát*. Đó là một cây dây leo khổng lồ nối liền mặt đất với bầu trời, nhờ đó mà con người có thể đi lại giữa hai thế giới một cách dễ dàng<sup>(14)</sup>.

Thần thoại của người Việt tuy không đề cập trực tiếp đến cây thần song điểm qua các họ của người Kinh vẫn gặp được dấu vết của totem cây ở các họ: Đào, Mai, Lê, Dương, Lý, Lâm, Diệp... Trong Lĩnh nam chích quái có truyện cây cau. Chuyện kể rằng người em trai, vì người anh sau khi lấy vợ có lúc lạt lẽo với mình, nên bỏ đi, giữa rừng gặp suối sâu không qua được, khóc mà chết, hoá thành cây (cau) mọc ở cửa sông, còn người vợ đi tìm chồng, vì đi tìm em đã hoá đá, chết theo chồng, hoá thành cây leo (trầu). Về chuyện người hoá cây này mặc dầu không thuộc hệ thống thần thoại nhưng ít nhiều cũng gợi nên những suy nghĩ về nguồn gốc xa xưa của nó, những tín ngưỡng tồn tại từ trước đó đã đi vào truyện kể.

Truyện cổ cũng kể rằng, thời xưa ở đất Phong Châu có cây chiền đàn, cành

lá xum xuê, cao hơn ngàn nhẫn, rợp trời mấy ngàn dặm. Trải qua hàng ngàn năm lâu ngày cây khô héo, biến thành yêu tinh, biến hoá khôn lường, thường ăn thịt người. Dân phải lập đền thờ, hàng năm đến ngày 30/12, theo lệ phải mang người sống tới nạp, mới được yên ổn. Dân thường gọi là thần Xiêng Cuông. Vua Hùng hàng năm sai bắt giống người Liêu Tử tới nạp. Đến đời vua Đinh Tiên Hoàng, nhờ pháp sư phương Bắc sang nước ta dùng pháp thuật và trò vui mới lừa giết được nó. Lệ tiến lễ hàng năm mới bãi bỏ. Dân lại sống yên lành như xưa<sup>(15)</sup>.

#### Kết luận

Một vài phân tích trên đây không thể coi là minh chứng đầy đủ cho mối quan hệ giữa thần thoại của người Việt và thần thoại các tộc người Thái Kdai. Việc làm này có chăng chỉ là cách thức để nhìn nhận bản chất của sự hòa hợp giữa các tộc người này trong một cơ tầng văn hóa mà thần thoại là một tấm gương phản chiếu. Điều đó cũng có nghĩa rằng, thần thoại dù không còn thường xuyên xuất hiện trong đời sống nhưng tinh thần của nó vẫn luôn thấm đẫm trong văn hóa, trong ý thức của các tộc người, trở thành một trong những chất keo gắn kết họ trong một cộng đồng đa màu sắc. Thêm vào đó, từ giữa thế kỷ 20, khi những nghiên cứu dân tộc học, sinh thái học đưa ra đủ dẫn liệu để chứng minh rằng tiến hóa luận không phải là lý

<sup>(13)</sup> Nguyễn Thị Huệ, *Sdd*, tr.665.

<sup>(14)</sup> Đặng Thị Oanh (2010), *Huyền Thoại Mường Then*, Nxb.Văn hóa dân tộc, tr.120.

<sup>(15)</sup> Vũ Quỳnh, Kiều Phú (1990), *Lĩnh Nam chích quái*, Nxb.Văn học, Hà Nội, tr. 51-53.

thuyết duy nhất đúng, người ta quay lại với cái nhìn đúng đắn hơn về các xã hội ngoài phương Tây. Ở đó, tự nhiên và con người không còn là những thực thể tách rời. Vũ trụ bao gồm cả con người và vạn vật là một thực tại được cấu tạo bởi số nhiều những chủ thể có quan hệ và giao tiếp với nhau, trong đó con người chỉ là một chủ thể<sup>(16)</sup>. Họ có quá trình giao tiếp với các chủ thể khác trong vũ trụ bao la, và bầu trời, sấm sét, thực vật hay động vật cũng như con người, đều có linh hồn; ở nơi này hay nơi khác, lúc này hay lúc khác cùng họ trải qua những quá trình tương tác, chuyển vận. Những phân tích về mối quan hệ giữa thần thoại người Việt và thần thoại các tộc người nhóm Thái - Kdai cho thấy rõ hơn điều này đồng thời một lần nữa khẳng định sự thống nhất hữu cơ của cơ tầng văn hóa Đông Nam Á ẩn tàng sau những câu chuyện kể. Đây chính là nền tảng để những giao lưu, kết nối cộng đồng có cơ hội phát triển, làm phong phú hơn bức khảm văn hóa đa màu sắc trên mọi miền lãnh thổ Việt Nam.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Từ Chi (2003), *Góp phần nghiên cứu văn hóa & tộc người*, Nxb. Văn hóa dân tộc.

2. Nguyễn Thị Huệ (2011), “Thần thoại về nguồn gốc cây lúa và sự phân ảnh nét văn hóa nông nghiệp lúa nước các dân tộc Việt Nam”, *Tạp chí Văn hóa dân gian*, số 1.

3. Kaj Arhem (2004), *Bài giảng “Thế giới quan bản địa”*, bản dịch tiếng Việt lưu tại Bảo tàng Dân tộc học, Hà Nội.

4. Mélétxki (chủ biên), Bùi Mạnh Nhị (dịch, 1991), *Từ điển thần thoại*, Nxb. Khoa học xã hội.

5. Nhiều tác giả (2017), *Phát huy vai trò, bản sắc của cộng đồng các dân tộc Thái Kdai trong hội nhập và phát triển bền vững*, Nxb. Thế giới

6. Võ Quang Nhơn, Lê Trường Phát (1998), *Truyện cổ dân gian Đông Nam Á*, tập 1, Nxb. Tổng hợp Đồng Nai.

7. Đặng Thị Oanh (2010), *Huyền Thoại Mường Then*, Nxb. Văn hóa dân Tộc.

8. Lâm Quý, Phương Bằng (sưu tầm, biên soạn, 1983), *Truyện cổ Cao Lan*, Nxb. Văn hóa.

9. Vũ Quỳnh, Kiều Phú (1990), *Lĩnh nam chích quái*, Nxb. Văn học, Hà Nội.

10. Doãn Quốc Sĩ (sưu tầm và dịch thuật, 1970), *Thần thoại (Việt Nam Trung Hoa)*, Nxb. Sáng tạo.

11. Trần Thị Thanh Tân (2016), *Văn học dân gian Sán Diu ở Thái Nguyên*, Luận văn Thạc sĩ, Đại học Thái Nguyên.

12. Vũ Anh Tuấn (2000), *Truyện cổ Bắc Cạn*, Sở Văn hóa thông tin thể thao Bắc Cạn.

13. Đặng NghiêM Vạn (1987), “Huyền thoại về nạn hồng thủy và nguồn gốc các tộc người”, *Tạp chí Văn hóa dân gian*.

<sup>(16)</sup> Philippe Descola- Constructing natures- Symbolic ecology and social practice. In P. Descola & G. Palson (eds), *Nature and Society: Anthropological Perspectives*. London: Routledge. (Bản tiếng Việt được in trong: Hội dân tộc học Việt Nam - Readings on indigenous cosmology. Tài liệu tham khảo các bài giảng “Thế giới quan bản địa” - giáo sư Kaj Arhem (Đại học Goterborg- Thụy Điển) tại Bảo tàng Dân tộc học, Hà Nội. 2004, tr. 479.